

Số: /2020/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định*

giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVI, kỳ họp thứ mười lăm về việc cho ý kiến đối với quy định Hệ số điều chỉnh giá đất, để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 63/TTr-STC ngày 06 tháng 4 năm 2020.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định hệ số điều chỉnh giá đất để làm căn cứ xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất đối với thửa đất hoặc khu đất (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) có giá trị dưới 10 tỷ đồng.

a) Hệ số điều chỉnh

\* Thành phố Lạng Sơn

- Đất ở tại đô thị:

+ Đường loại I:  $K = 1,7$ ;

+ Đường loại II:  $K = 1,5$ ;

+ Đường loại III:  $K = 1,3$ ;

+ Đường loại IV và các đường còn lại tại đô thị:  $K = 1,2$ .

- Đất ở tại nông thôn:  $K = 1,3$ .

\* Các huyện

- Đất ở tại đô thị

+ Các huyện: Lộc Bình, Hữu Lũng, Văn Lãng:  $K = 1,3$ ;

+ Các huyện: Cao Lộc, Đình Lập, Tràng Định, Bình Gia:  $K = 1,2$ ;

+ Các huyện: Chi Lăng, Văn Quan:  $K = 1,1$ ;

+ Huyện Bắc Sơn:  $K = 1,0$ ;

- Đất ở tại nông thôn: hệ số  $K = 1,0$  áp dụng cho tất cả các huyện

b) Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức; các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 30 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất. Trường hợp thửa đất hoặc khu đất đấu giá thuộc đô thị, đấu mỗi giao thông, khu dân cư tập trung có lợi thế, khả năng sinh lợi thì căn cứ tình hình thực tế tại địa phương Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định tiền thuê đất

a) Hệ số điều chỉnh  $K = 1,0$ .

b) Đối tượng áp dụng

- Xác định giá đất tính thu tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị dưới 10 tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá đất do UBND tỉnh quy định);

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo;

- Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Xác định giá khởi điểm trong đấu giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị dưới 30 tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) đối với các thửa đất hoặc

khu đất trong khu kinh tế và dưới 10 tỷ đồng đối với các thửa đất hoặc khu đất tại các khu vực còn lại.

Trường hợp thửa đất hoặc khu đất đầu giá thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lợi đặc biệt, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ thì căn cứ tình hình thực tế tại địa phương Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh giá đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định giá khởi điểm.

3. Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Quyết định này được áp dụng chung cho tất cả các vị trí và các Bảng giá đất.

4. Các trường hợp còn lại khi tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các cơ quan liên quan tổ chức xác định hệ số điều chỉnh giá đất theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí của từng trường hợp cụ thể, việc xác định hệ số điều chỉnh giá đất phải đảm bảo bằng hoặc lớn hơn hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lạng Sơn;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh, Báo Lạng Sơn;
- Phó CVP UBND tỉnh, các phòng chuyên môn, TT TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (NNT)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Công Trường**